TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 309/2023/DS-ST
Ngày: 19-7-2023
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Thái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Tý**;

2. Bà **Bùi Diệu Huệ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Thanh Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân *tham gia phiên tòa*: Bà **Hồ Thị Vân**– Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 398/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Số 688/24/1B, đường A, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Tòa nhà Indochina, số 04, đường C, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hồ Võ Thanh V, sinh năm 1989; Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH L, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Tòa nhà Indochina, số 04 đường C, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc S, sinh năm 1985;

Địa chỉ: số 80/91/35, Đường S, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 26/10/2022, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 24/11/2022, Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 07/4/2023 cùng các bản tự khai và tài liệu chứng cứ nộp cho Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Do có quan hệ quen biết từ trước, ngày 29/03/2022 ông Trần Thanh T có cho bà Huỳnh Thị Ngọc S vay 420.000.000 đồng theo Hợp đồng vay được công chứng số 00007521, quyển số 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/03/2022 tại Văn phòng công chứng Đồng Tâm; hai bên thoả thuận thời hạn vay là 04 tháng, lãi suất là 1,5%/ tháng.

Thực tế, trước khi ký kết Hợp đồng vay, ông T đã giao 420.000.000 đồng tiền mặt cho bà Huỳnh Thị Ngọc S, bà S đã nhận tiền đầy đủ, sau đó mới đồng ý đến văn phòng công chứng để ký công chứng Hợp đồng nêu trên. Do gia đình ông T có quen biết với bà S từ trước đồng thời biết địa chỉ thường trú, thông tin liên lạc, quê quán của bà S cũng như tin tưởng lẫn nhau nên khi giao tiền, ông T và bà S đã không lập Giấy giao nhận tiền.

Ngày 29/7/2022, Hợp đồng vay đến hạn nhưng bà S không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng dù ông T đã nhiều lần liên hệ nhắc nhở, hối thúc yêu cầu bà S thực hiện nghĩa vụ cơ bản trong giao kết Hợp đồng nên khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử, buộc bà Huỳnh Thị Ngọc S phải trả 420.000.000 đồng nợ gốc và lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả (lãi trong thời hạn vay 04 tháng từ ngày 29/3/2022 đến 29/7/2022 theo Hợp đồng vay ngày 29/3/2022): 420.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 4 tháng=25.200.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc S đã được triệu tập hợp lệ đến Toà án để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt, không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ vốn gốc là 420.000.000 đồng và nợ lãi theo mức lãi suất 1.5%/tháng tính từ ngày vay (29/3/2022) đến ngày 29/7/2022 là 25.200.000 đồng; Tổng vốn lãi bà Huỳnh Thị Ngọc S phải trả cho ông T là 445.200.000 đồng. Rút lại yêu cầu đối với nợ lãi quá hạn và tiền lãi trên nợ lãi chưa trả.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Hợp đồng vay giữa ông Trần Thanh T và bà Huỳnh Thị Ngọc S được giao kết trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định pháp luật và được công chứng số 00007521, quyển số 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/03/2022 tại Văn phòng công chứng Đồng Tâm; thực hiện hợp đồng này, ông T đã giao đủ tiền mặt cho bà S; quá trình thực hiện hợp đồng bà S vi phạm nghĩa vụ, không thanh toán vốn lãi cho ông T. Ngày 12/10/2022, bà S có viết cam kết hứa trả đợt 1 cho ông T với số tiền 300.000.000 đồng nhưng cũng không thực hiện nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận cho yêu cầu khởi kiện, buộc bà S thanh toán một lần tiền nợ vốn, lãi cho ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng quy định về quá trình thụ lý và giải quyết vụ án; tại phiên

tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục và trình tự phiên tòa quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 445.200.000 đồng, gồm 420.000.000 đồng nợ gốc và 25.200.000 đồng nợ lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Thanh T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc S, có nơi cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thủ tục:

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà S.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Trịnh Thúy N trình bày: bà N là vợ của ông T, khoản tiền 420.000.000 đồng ông T cho bà S vay theo Hợp đồng vay được công chứng số 00007521, quyển số 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/03/2022 là tài sản riêng của ông T, việc giải quyết vụ án không liên quan đến bất kỳ quyền lợi hay nghĩa vụ nào của bà N; do đó Hội đồng xét xử không đưa bà N vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc S thanh toán nợ vốn, lãi theo Hợp đồng vay giữa hai bên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về nợ vốn: Xét, căn cứ theo Hợp đồng vay được công chứng số 00007521, quyển số 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/03/2022 tại Văn phòng công chứng Đồng Tâm và tài liệu có chữ ký, ghi tên Huỳnh Thị Ngọc S đề ngày 12/10/2022 về việc hứa trả tiền đợt 1 do nguyên đơn cung cấp, có đủ cơ sở xác định bà Huỳnh Thị Ngọc S có giao kết hợp đồng vay với ông T, đối với khoản vay này các bên thỏa thuận lãi suất là 1.5%/tháng, thời hạn vay là 04 tháng kể từ ngày vay. Mặc dù nguyên đơn chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc giao nhận tiền vay theo Hợp đồng vay được công chứng giữa các bên tuy nhiên tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện việc bà S hứa trả nợ; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà S đã nhiều lần được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải gánh chịu hậu quả về việc vắng mặt này.

Xét, do bà S đã vi phạm nghĩa vụ khi không thanh toán nợ vốn, lãi đã được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng vay được công chứng số 00007521, quyển số 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/03/2022 nên việc ông T khởi

kiện yêu cầu trả tiền nợ là có cơ sở; cần chấp nhận và buộc bà S phải trả cho ông T tiền vốn còn nợ là 420.000.000 đồng.

Về nợ lãi: việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi còn nợ chưa trả là có cơ sở, cần chấp nhận; về mức lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: lãi suất do các bên thoả thuận trong Hợp đồng vay được công chứng số 00007521, quyển số 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/03/2022 phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; cần xem xét chấp nhận, theo đó tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 29/3/2022 đến ngày 29/7/2022 là 04 tháng x 420.000.000 đồng x 1.5%/tháng = 25.200.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà S phải trả cho ông T là 445.200.000 đồng; bà S phải thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu tính lãi quá hạn và tiền lãi trên nợ lãi chưa trả, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn rút lại, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng như phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán 420.000.000 đồng tiền vốn và 25.200.000 đồng tiền lãi là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- Ông Trần Thanh T không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T:

Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc S trả cho ông Trần Thanh T số tiền 445.200.000 (bốn trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng, trong đó: nợ vốn gốc là 420.000.000 đồng, nợ lãi là 25.200.000 đồng. Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ khi ông Trần Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Huỳnh Thị Ngọc S chưa thanh toán thì hằng tháng bà Huỳnh Thị Ngọc S còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thi hành tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc S phải chịu 21.808.000 (hai mươi một triệu tám trăm lẻ tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho ông Trần Thanh T 11.470.720 (mười một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bảy trăm hai mươi) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010259 ngày 12/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận Bình Tân;*
- *VKSND TP. Hồ Chí Minh;*
- *TAND TP. Hồ Chí Minh;*
- *Chi cục THADS quận Bình Tân;*
- *Lưu: HS + VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Thái